TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 949/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2023
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ;

2. Ông Lê Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thương Thương – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 165/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H.N, sinh năm 19xx

Địa chỉ thường trú: Ấp 4, xã Mỹ Thạnh, huyện T, tỉnh L

Địa chỉ tạm trú: 188/7 đường Lê Đình Cẩn, phường T, quận B, Thành phố Z (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi V.Đ, sinh năm 19xx

Địa chỉ thường trú: ấp Phong Thới, xã P, huyện K, tỉnh S

Địa chỉ tạm trú: 14/4 đường Bia Truyền Thống, khu phố 6, phường T, quận B, Thành phố Z (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2023, bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.N trình bày: Bà và ông Bùi V.Đ kết hôn vào năm 2008, vợ chồng có đăng ký kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 0I do UBND xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An cấp ngày 08 tháng 9 năm 2008. Đôi bên chung sống đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, đôi bên không hòa hợp về mọi mặt nên thường xảy ra cãi vả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông Đ không quan tâm chăm sóc vợ con, tự ý bỏ đi nơi khác sống ly thân với bà từ tháng 5/2022 đến nay. Hiện nay, bà xác định mâu thuẫn giữa đôi bên đã rất trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên: Bùi M.T, sinh ngày 21/7/2009, con chung hiện đang sống với bà, do bà trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Bà tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.N vẫn giữ nguyên yêu cầu và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Bùi V.Đ tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo

quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn xét xử đảm bảo theo quy định tại điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.N có đơn xin ly hôn với ông Bùi V.Đ. Bị đơn ông Đ có nơi cư trú tại số 14/4 đường Bia Truyền Thống, khu phố 6, phường T, quận B, Thành phố Z, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp. Đối với bị đơn là ông Bùi V.Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét, qua yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.N đối với ông Bùi V.Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua lời trình bày của bà N thì trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, đôi bên không hòa hợp về mọi mặt nên thường xảy ra cãi vả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông Đ không quan tâm chăm sóc vợ con, tự ý bỏ đi nơi khác sống ly thân với bà N từ tháng 5/2022 đến nay. Hiện nay, bà N xác định mâu thuẫn giữa đôi bên đã rất trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N kiên quyết yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông Đ đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã mở phiên hòa giải cũng như cho thời gian để tạo cơ hội cho bà N và ông Đ hàn gắn tình cảm nhưng ông Đ không đến Tòa, không thể hiện thiện chí hòa giải với bà N. Việc ông Đ không đến tòa đã thể hiện ý chí bỏ mặc, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà N. Nay, bà

N yêu cầu ly hôn với ông Đ vì thời gian đôi bên sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền, đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ, nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cái. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà N, nhận thấy con chung của bà N và ông Đ là trẻ Bùi M.T, sinh ngày 21/7/2009 trên thực tế đang sống chung với bà N, được bà N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà N có yêu cầu được nuôi con chung, ông Đ không đến tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến của mình, do đó ông Đ đã từ bỏ quyền phản đối của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của ông Đ, nghĩ nên giao con chung cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp với quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H.N chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.N đối với ông Bùi V.Đ.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H.N được ly hôn với ông Bùi V.Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 0I do UBND xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An cấp ngày 08 tháng 9 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị H.N và ông Bùi V.Đ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

Giao con chung chưa thành niên là trẻ Bùi M.T, sinh ngày 21/7/2009 cho bà Nguyễn Thị H.N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H.N về việc không yêu cầu ông Bùi V.Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Bùi V.Đ có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau ly hôn, bà N và ông Đ đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H.N chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0010883 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Nguyễn Thị H.N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận, tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Kim Ngân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Tân;
- CC THADS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- CQ đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Kim Ngân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Tân;
- CC THADS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- CQ đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Kim Ngân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Kim Ngân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi Cục THADS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH.

Lưu Kim Ngân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:
TÒA

- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi Cục THADS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH.

Lưu Kim Ngân